

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/DS-ST

Ngày: 03/7/2024

“V/v Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững và ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/6/2024 và ngày 03/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 46/2024/TLST-DS ngày 16/01/2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐXXST-DS ngày 09/5/2024, giữa:

1. Nguyên đơn:

Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1955;

(Chủ hộ kinh doanh Ngọc A);

Bà Ngô Thị L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của ông A và bà L: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2024.

2. Bị đơn:

Anh Lê Chiêu X, sinh năm 1985;

Chị **Phan Thị Ngọc C**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

(Bà **T** có mặt, anh **X** và chị **C** vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm bà **Ngô Thị T** trình bày:

Ông **A** và bà **L** là vợ chồng, ông **A** là chủ hộ kinh doanh **Ngọc A** chuyên bán lẻ thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. Đây cũng là tài sản chung của ông **A** và bà **L**. Trước đây, anh **X** và chị **C** thường xuyên mua thuốc bảo vệ thực vật, phân bón của ông **A** và bà **L**. Khi mua bán thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng (Không có làm hợp đồng gì), anh **X** và chị **C** cần gì thì nói, còn ông **A** và bà **L** báo giá thống nhất thì hai bên thực hiện việc mua bán. Trong quá trình mua bán thì anh **X** và chị **C** có khi trả tiền mặt, có khi nợ và tính đến ngày 01/9/2022 (Dương lịch) hai bên đối chiếu nợ thì anh **X** và chị **C** còn nợ lại ông **A** và bà **L** số tiền là 83.961.000 đồng. Đồng thời, vào ngày 01/9/2022 thì anh **X** và chị **C** có vay của ông **A** và bà **L** số tiền là 290.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng/toàn bộ số tiền vay, thời hạn trả đến tháng 01/2023, mục đích vay là để anh **X** và chị **C** trả nợ cho ngân hàng. Từ ngày vay đến nay thì anh **X** và chị **C** không có trả vốn hoặc lãi gì cho ông **A** và bà **L**. Khi vay hai bên có làm “Biên bản đối chiếu nợ ngày 01/9/2022”, theo nội dung biên bản này thì hai bên thỏa thuận tính lãi từ ngày 02/9/2022, anh **X** và chị **C** còn cam kết đến tháng 01/2023 nếu không trả đủ số tiền trên thì sẽ sang tên phần đất diện tích 15.631m², thuộc thửa số 113, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại **xã V, huyện T, tỉnh Long An** cho bà **L** làm chủ mà không cần trả thêm bất cứ đồng nào. Đồng thời, anh **X** và chị **C** còn giao cho ông **A** và bà **L** giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Hiện nay, ông **A** và bà **L** đang giữ giấy đất này không có thể chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào. Đối với số tiền cho vay trên là tài sản của ông **A** và bà **L**, không phải là tài sản chung với bất kỳ ai. Đối với thỏa thuận sang tên phần đất trên cho bà **L** làm chủ thì nay ông **A** và bà **L** không có yêu cầu thực hiện thỏa thuận này, chỉ yêu cầu anh **X** và chị **C** trả số nợ trên.

Theo đơn khởi kiện thì ông **A** và bà **L** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **X** và chị **C** phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông **A** và bà **L** số tiền nợ vay vốn là 290.000.000 đồng, nợ mua phân thuốc là 83.961.000 đồng, tổng cộng là 373.961.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi với lãi suất là 1,66%/tháng, kể từ ngày 02/9/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Trong trường hợp anh **X** và chị **C** thanh toán hết khoản nợ trên thì ông **A** và bà **L** đồng ý trả lại cho anh **X** và chị **C** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Nay, ông **A** và bà **L** thay đổi yêu cầu là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **X** và chị **C** phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông **A** và bà **L** số tiền nợ vay vốn là 290.000.000 đồng, nợ mua phân

thuộc là 83.961.000 đồng, tổng cộng là 373.961.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi với lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2024 làm tròn là 22 tháng, thành tiền là 68.285.000 đồng. Trong trường hợp anh X và chị C thanh toán hết khoản nợ trên thì ông A và bà L đồng ý trả lại cho anh X và chị C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Ngoài ra, ông A và bà L không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Đối với anh X và chị C mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà L buộc anh X, chị C liên đới trả cho ông A, bà L số tiền vay còn nợ là 290.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng thời hạn trả lãi từ ngày 02/9/2022 đến khi xét xử xong và số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 83.961.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng thời hạn trả lãi từ ngày 02/9/2022 đến khi xét xử xong.

+ Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông A, bà L đối với mức lãi suất tính lãi là 0,83%/tháng do rút yêu cầu.

+ Về án phí buộc anh X, chị C có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp:

+ Căn cước công dân (Bản sao);

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022 (Bản photo);

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo);
- + Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí;
- + Văn bản ủy quyền (Bản chính).

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn nộp: Không.

* Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:

- + Xác nhận của Công an xã T;
- + Biên bản lấy lời khai.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/02/2024.

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không.

* Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông A và bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh X và chị C phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông A và bà L số tiền nợ vay vốn là 290.000.000 đồng, nợ mua phân thuốc là 83.961.000 đồng, tổng cộng là 373.961.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi với lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2024 làm tròn là 22 tháng, thành tiền là 68.285.000 đồng. Trong trường hợp anh X và chị C thanh toán hết khoản nợ trên thì ông A và bà L đồng ý trả lại cho anh X và chị C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 430 và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo quyết định hoãn phiên tòa thì Hội thẩm nhân dân là ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm do ông T1 và bà T2 bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Lê Văn V và ông Nguyễn Thanh Minh H là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Đối với chị **C** thì theo Xác nhận ngày 22/4/2024 của Công an xã **T** xác định chị **C** đã bỏ địa phương khoảng từ giữa năm 2020, đi đâu không rõ, không khai báo tạm trú, tạm vắng. Xét thấy, theo đơn khởi kiện thì ông **A** và bà **L** đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị **C** theo địa chỉ được ghi trong “Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022”. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà **T** trình bày khi chị **C** đi khỏi địa phương không có thông báo cho ông **A** và bà **L**. Đồng thời, anh **X** là chồng của chị **C** vẫn sinh sống tại địa phương và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, việc chị **C** vắng mặt tại địa phương thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời, anh **X** và chị **C** vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

- Đối với yêu cầu tính lãi của ông **A** và bà **L** thì tại phiên tòa sơ thẩm bà **T** trình bày là nay chỉ yêu cầu tính lãi với lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2024 làm tròn là 22 tháng, thành tiền là 68.285.000 đồng. Xét thấy, theo đơn khởi kiện thì ông **A** và bà **L** yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, nay tự nguyện giảm mức lãi suất chỉ yêu cầu là 0,83%/tháng. Đây thuộc trường hợp nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, vì nay ông **A** và bà **L** yêu cầu trả mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất yêu cầu ban đầu và trong cùng quan hệ pháp luật. Từ những phân tích trên, xét đề nghị đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông **A**, bà **L** đối với mức lãi suất tính lãi là 0,83%/tháng do rút yêu cầu là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Đối với tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản giữa ông **A**, bà **L** với anh **X**, chị **C**. Xét thấy, lời trình bày của ông **A**, bà **L** là có cơ sở và việc ông **A**, bà **L** có bán cho anh **X**, chị **C** thuộc bảo vệ thực vật và phân bón là có thật, thể hiện qua “Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022”, theo nội dung của biên bản trên thể hiện số tiền nợ mua phân thuốc là 83.961.000 đồng, thời hạn trả là đến tháng 01/2023 và có chữ ký, chữ viết họ, tên của anh **X**, chị **C**. Đây là hợp đồng mua bán tài sản, phía ông **A** và bà **L** đã giao đầy đủ thuốc bảo vệ thực vật, phân bón theo yêu cầu của anh **X** và chị **C**, còn phía anh **X** và chị **C** tính đến nay chưa trả số tiền nợ trên là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua cho bên bán theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự.

- Đối với yêu cầu tính lãi của ông **A** và bà **L** mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2024 làm tròn là 22 tháng. Xét thấy, theo nội dung “Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022” có thể hiện thỏa thuận tính lãi nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu và phía ông **A**, bà **L** không có chứng cứ chứng minh được hai bên đã thỏa thuận được mức lãi suất cụ thể.

Theo khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định: “3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này” và theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định: “2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này” và theo Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Như vậy, mức lãi suất theo quy định trong trường hợp này là 10%/năm tương đương 0,833%/tháng. Nay, ông **A** và bà **L** yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng đối chiếu với quy định trên là phù hợp. Đồng thời, theo nội dung “Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022” cũng thể hiện rõ ngày hai bên chốt nợ là ngày 01/9/2022. Nay, ông **A** và bà **L** yêu cầu tính lãi từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2024 là phù hợp. Như vậy, số tiền lãi mà anh **X**, chị **C** phải trả cho ông **A** và bà **L** cụ thể: $83.961.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 15.331.278 \text{ đồng}$.

- Đối với tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa ông **A**, bà **L** với anh **X**, chị **C**. Xét thấy, lời trình bày của ông **A**, bà **L** là có cơ sở và việc ông **A**, bà **L** có cho anh **X**, chị **C** vay tiền là có thật, thể hiện qua “Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022”, theo nội dung của biên bản trên thể hiện số tiền vay vốn là 290.000.000 đồng, thời hạn trả là đến tháng 01/2023 và có chữ ký, chữ viết họ, tên của anh **X**, chị **C**. Đây là hợp đồng vay có thời hạn và đến nay hợp đồng vay đã quá hạn, phía anh **X**, chị **C** chưa trả nợ vốn cho ông **A** và bà **L** là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Đối với yêu cầu tính lãi của ông **A**, bà **L** với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2024 làm tròn là 22 tháng. Xét thấy, theo nội dung “Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022” có thể hiện thỏa thuận tính lãi nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu và phía ông **A**, bà **L** không có chứng cứ chứng minh được hai bên đã thỏa thuận được mức lãi suất cụ thể. Do đó, có đủ cơ sở xác định khi vay hai bên có thỏa thuận việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất. Theo Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Như vậy, mức lãi suất theo quy định trong trường

hợp này là 10%/năm tương đương 0,833%/tháng. Nay, ông **A** và bà **L** yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng đối chiếu với quy định trên là phù hợp. Đồng thời, theo nội dung “Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/9/2022” cũng thể hiện rõ ngày hai bên chốt nợ là ngày 01/9/2022. Nay, ông **A** và bà **L** yêu cầu tính lãi từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2024 là phù hợp. Như vậy, số tiền lãi mà anh **X**, chị **C** phải trả cho ông **A** và bà **L** cụ thể: $290.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 52.954.000 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền lãi là 68.285.278 đồng, phía ông **A** và bà **L** đồng ý làm tròn số tiền lãi là 68.285.000 đồng.

- Đối với anh **X** và chị **C** mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của ông **A** và bà **L**.

- Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00745 do UBND huyện **T** cấp ngày 11/9/2014 cho anh **C** và chị **X**. Theo bà **T** trình bày thì vào ngày 01/9/2022, anh **X** và chị **C** vay của ông **A** và bà **L** số tiền 290.000.000 đồng để đi trả nợ cho Ngân hàng, lấy giấy đất trên về thế chấp cho ông **A** và bà **L**. Đối với việc thế chấp trên thì các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng phía ông **A** và bà **L** tự nguyện trả lại giấy đất này cho anh **X** và chị **C** khi anh **X** và chị **C** thanh toán hết số nợ trên. Xét thấy, sự tự nguyện này theo hướng có lợi cho anh **X** và chị **C** nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện trên của ông **A** và bà **L**. Đồng thời, đối với thỏa thuận sang tên phần đất trên cho bà **L** làm chủ thì ông **A**, bà **L** không có yêu cầu thực hiện thỏa thuận này chỉ yêu cầu anh **X**, chị **C** trả số nợ trên và anh **X**, chị **C** cũng không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Đối với đương sự còn lại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Tại các phiên tòa sơ thẩm, đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[8] Về án phí:

- Ông **A** sinh năm 1955 và bà **L** sinh năm 1962, tính đến nay đều đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Xét thấy, ông **A** và bà **L** thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh **X** và chị **C** phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về đề nghị nội dung giải quyết vụ án thì từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ 01 phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần. Phần không được chấp nhận là đề nghị đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông **A**, bà **L** đối với mức lãi suất tính lãi là 0,83%/tháng do rút yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Ngọc A** (Chủ hộ kinh doanh **Ngọc A**) và bà **Ngô Thị L**.

- Buộc anh **Lê Chiêu X** và chị **Phan Thị Ngọc C** phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông **Phạm Ngọc A** (Chủ hộ kinh doanh **Ngọc A**) và bà **Ngô Thị L** số tiền nợ mua phân thuốc là 83.961.000 đồng, số tiền nợ vay vốn là 290.000.000 đồng và số tiền lãi là 68.285.000 đồng, tổng cộng: 442.246.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án), bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Ông **A** và bà **L** đồng ý trả lại cho anh **X** và chị **C** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00745 do UBND huyện **T** cấp ngày 11/9/2014 cho anh **C** và chị **X** khi anh **X** và chị **C** thanh toán xong toàn bộ số nợ trên.

2. Về án phí:

- Ông **A** và bà **L** được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh **X** và chị **C** phải liên đới chịu 21.690.000 đồng (Hai mươi một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Minh Phường

